Tổng kết về ngữ pháp

A. Từ loại

I. Danh từ, động từ, tính từ 2.3.

Câu 1. Trong số các từ in đậm sau đây, từ nào là danh từ, từ nào là động từ, từ nào là tính từ?

a. Một bài thơ **hay** không bao giờ ta **đọc** lướt qua một **lần** mà bỏ xuống được.

b. Mà ông, thì không thích **nghĩ ngợi** như thế một tí nào.

c. Xây cái lăng ấy cả làng **phục dịch**, cả **làng** gánh gạch, **đập** đá, làm phụ hồ cho nó.

d. Đối với cháu, thật là **đột ngột** [...]

e. - Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thế là **sung sướng**.

+ *Danh từ: lần, lăng, làng*

+ *Động từ: đọc, nghĩ ngợi, phục dịch, đập*

+ *Tính từ: hay, đột ngột, phải, sung sướng*

Câu 2. Hãy thêm các từ cho sau đây vào trước những từ thích hợp với chúng trong ba cột bên dưới. Cho biết mỗi từ trong ba cột đó thuộc từ loại nào?

- Các từ nhóm (a) là các từ chỉ lượng, nó có thể kết hợp với các danh từ. VD: *những lần, những làng các, một...*

- Các nhóm từ (b) là các phó từ có thể kết hợp với các động từ hãy đã vừa.VD: *hãy đọc, hãy đập...*

- Các nhóm từ (c) là các phó từ *rất, hơi, quá* có thể kết hợp với các tính từ. VD: rất hay, quá hay

Câu 3. Từ những kết quả đạt được ở bài tập 1 và bài tập 2, hãy cho biết danh từ có thể đứng sau những từ nào, động từ đứng sau những từ nào và tính từ đứng sau những từ nào trong số những từ nêu trên. Từ những kết quả đạt được ở bài tập 1 và bài tập 2, ta thấy:

+ Danh từ có thể đứng sau từ chỉ lượng: *những, các...*

+ Động từ có thể đứng sau phó từ: *hãy, vừa, đã...*

+ Tính từ có thể đứng sau từ chỉ mức độ: *rất, hơi, quá...*

Câu 4. Kẻ bảng theo mẫu cho dưới đây là điền các từ có thể kết hợp với danh từ, động từ, tính từ vào những cột để trống:

BẢNG TỔNG KẾT VỀ KHẢ NĂNG KẾT HỢP

CỦA DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ

Ý nghĩa khái quát của từ loại	Khả năng kế hợp		
	Kết hợp về phía trước	Từ loại	Kết hợp về phía sau
Chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng, khái niệm)	Số từ, đại từ, tính thái từ, thán từ, lượng từ	**Danh từ**	Phó từ, tính thái từ
Chỉ hoạt động, trạng thái của vật	Danh từ	**Động từ**	Phó từ, trợ từ
Chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hoạt động, trạng thái	Danh từ	**Tính từ**	Phó từ, từ chỉ mức độ

Câu 5. Trong những đoạn trích sau đây, các từ in đậm uốn thuộc từ loại nào và ở đây chúng được dùng như từ thuộc loại nào?

*a. Nghe gọi, con bé giật mình **tròn** mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động.*

Từ **tròn** vốn là tính từ nhưng trong đoạn trích trên được dùng như một động từ.

b. *Làm khí tượng, ở được cao thế mới **lí tưởng** chứ.*

Từ **lí tưởng** vốn là danh từ ở đây được dùng như một tính từ.

*c. Những **băn khoăn** ấy làm cho nhà hội hoạ không nhận xét được cô gái ngồi trước mặt đằng kia.*

Từ **băn khoăn** vốn là tính từ nhưng trong câu văn trên được dùng như một danh từ.

II. Các từ loại khác

Câu 1. Hãy sắp xếp các từ in đậm trong những câu sau đây vào cột thích hợp (theo bảng mẫu) ở dưới.

*a. Một lát sau không **chỉ** có **ba** đứa mà **cả** một lũ trẻ ở tầng dưới lần lượt chạy lên*

*b. Trong cuộc đời kháng chiến **của** tôi, **tôi** chứng kiến không biết **bao nhiêu** cuộc chia tay, **nhưng** chưa **bao giờ** tôi xúc động **như** lần **ấy**.*

*c. Ngoài cử sổ **bấy giờ những** bông hoa bằng lăng **đã** thưa thớt – cái giống hoa **ngay** khi **mới** nở màu sắc **đã** nhợt nhạt.*

*d. - **Trời ơi**, **chỉ** còn có **năm** phút!*

*e. - Quê anh ở **đâu** thế? – Hoạ sĩ hỏi.*

*g. - Đã bao giờ Tuấn... sang bên kia chưa **hả**?*

*h. - Bố **đang** sai con làm việc gì lạ thế?*

BẢNG TỔNG KẾT VỀ CÁC TỪ LOẠI KHÁC

(NGOÀI BA TỪ LOẠI CHÍNH)

Số từ	Đại từ	Lượng từ	Chỉ từ	Phó từ	Quan hệ từ	Trợ từ	Tình thái từ	Thán từ
Ba, năm	*Tôi, bao nhiêu, bao giờ, bấy giờ*	*Những*	*Ấy đâu*	*Đã, mới, đã, đang*	*Ở, của, những, như*	*Chỉ, cả, ngay, chỉ*	*Hả*	*Trời ơi*

Câu 2. Tìm những từ chuyên dùng ở cuối câu để tạo câu nghi vấn. Cho biết các từ ấy thuộc từ loại nào.

+ Từ chuyên dùng để cấu tạo câu nghi vấn: à, ư, hử, hở hả...

+ Đó là các tình thái từ.

B. CỤM TỪ

Câu 1. Tìm phần trung tâm của các cụm danh từ in đậm. Chỉ ra những dấu hiệu cho biết đó là cụm danh từ.

Phần trung tâm là phần **in đậm** trong mỗi cụm danh từ.

+ Đoạn a. (Lê Anh Trà – Phong cách Hồ Chí Minh)

- *Cụm 1: tất cả những **ảnh hưởng** quốc tế* - dấu hiệu nhận biết cụm danh từ "**những**" lượng từ.

- *Cụm 2: một **nhân cách** rất Việt Nam* – dấu hiệu nhận biết cụm danh từ **"một"** lượng từ.

- Một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông... - dấu hiệu nhận cụm danh từ biết "một" lượng từ.

+ Đoạn b. (Nguyễn Quang Sáng - *Chiếc lược ngà*)

*Những ngày **khởi** nghĩa dồn dập ở làng* – dấu hiệu nhận biết cụm danh từ **"những"** lượng từ.

+ Đoạn c. (Kim Lân – Làng)

***Tiếng** cười xôn xao của đám người mới lên tản cư ấy* – dấu hiệu nhận biết có thể thêm lượng từ **"những"** vào ở đằng trước

Câu 2. Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm. Chỉ ra những dấu hiệu cho biết đó là cụm động từ.

Phần trung tâm của mỗi cụm động từ là phần **in đậm** trong mỗi câu.

a. Đoạn văn của Nguyễn Quang Sáng:

+ *Đã **đến** gần anh* – dấu hiệu nhận biết cụm động từ **"đã"** phó từ.

+ *Sẽ **chạy** xô vào lòng anh, sẽ **ôm** chặt lấy cổ anh* – dấu hiệu nhận biết cụm động từ **"sẽ"** phó từ.

b. Đoạn văn của Kim Lân:

*Vừa **lên** cải chính* – dấu hiệu nhận biết cụm động từ "vừa" phó từ.

Câu 3. Tìm phần trung tâm của các cụm từ in đậm. Chỉ ra những yếu tố phụ đi kèm với nó.

Phần trung tâm là phần được **in đậm** trong mỗi cụm từ.

+ Đoạn a: **-** *Rất **Việt Nam**, rất **bình dị**, rất **Việt Nam**, rất **phương Đông**, rất **mới**, rất **hiện đại.***

Đây là những cụm tính từ – dấu hiệu để nhận biết từ "rất" đứng đầu ở mỗi cụm từ.

+ Đoạn b: - *Sẽ **không êm ả***

Đây là cụm tính từ – dấu hiệu nhận biết có thể thêm từ "rất" vào phía trước cụm từ.

+ Đoạn 1: – *Phức **tạp hơn**, cũng **phong phú** và **sâu sắc** hơn.*

Đây là cụm tính từ – dấu hiện nhận biết có thể thêm từ "rất" vào phía trước.

Xem tiếp tài liệu tại: https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-9